

Bản án số: 182/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-10-2019
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chanh.
2. Bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1945. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào ngày 18/12/1975. Khi kết hôn hai ông, bà đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau ngày kết hôn vợ chồng ông, bà ra ở riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó vợ chồng ông bà quay về đoàn tụ gia đình. Đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng ông H lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng

không hợp, quan điểm sống bất đồng. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn bà M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông H, bà M có 05 con chung là Lê Thị H, sinh năm 1976, Lê Thị H, sinh năm 1978 (đã chết), Lê Thị H, sinh năm 1981, Lê Thị H, sinh năm 1984 và Lê Văn H (Tên gọi khác: Lê Văn H), sinh năm: 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành và lập gia đình ra ở riêng.

Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M nhất trí như phần trình bày của ông H về thời gian và điều kiện kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ ngoại tình, sau đó vợ chồng ông bà đã được hòa giải quay về đoàn tụ gia đình. Đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng bà M lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ ngoại tình, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng bà M xác định vợ chồng ông bà tuổi đã già, bà M vẫn còn tình cảm với ông H nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông, bà có 05 con chung là Lê Thị H, sinh năm 1976, Lê Thị H, sinh năm 1978 (đã chết), Lê Thị H, sinh năm 1981, Lê Thị H, sinh năm 1984 và Lê Văn H (Tên gọi khác: Lê Văn H), sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành và lập gia đình ra ở riêng.

Về tài sản chung: Bà M và ông H tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.
2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, do đó không đề cập tới việc giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, bà Nguyễn Thị M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông H và bà M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Mặc dù ông H và bà M xác định khác nhau về thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, thực tế mối quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà M có mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp, hai ông bà đã sống ly thân, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay ông H yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho ông H được ly hôn bà M.

[3] Về con chung: Hai ông bà đều xác định có 05 con chung là Lê Thị H, sinh năm 1976, Lê Thị H, sinh năm 1978 (đã chết), Lê Thị H, sinh năm 1981, Lê Thị H, sinh năm 1984, Lê Văn H (Tên gọi khác Lê Văn H, sinh năm 1986. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình, ra ở riêng, nên Tòa án không giải quyết về phần con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002084 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/10/2019.

Bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND thị trấn N, huyện M (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Trung Kiên